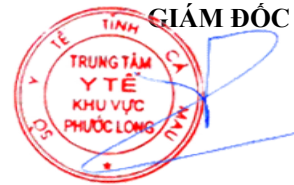


LỊCH TRỰC TUẦN 07

| Từ ngày         |          | 9 tháng |   | 2 năm  |    | 2026 đến |    | ngày 15 tháng |    | 02 năm |    | 2026   |     |                                 |    |
|-----------------|----------|---------|---|--------|----|----------|----|---------------|----|--------|----|--------|-----|---------------------------------|----|
| Thứ,            | Ngày     | HAI     | 9 | BA     | 10 | TƯ       | 11 | NĂM           | 12 | SÁU    | 13 | BẢY    | 14  | CN                              | 15 |
| LÃNH ĐẠO        |          | HIỆN    |   | H QUÂN |    | DIỆU     |    | ĐANG          |    | H QUÂN |    | HIỆN   |     | DIỆU                            |    |
| CC - HSTC & CĐ  | BS1 (n)  | HÀI     |   | ĐOAN   |    | LINH     |    | HÀI           |    | ĐOAN   |    | THÁO   | HÀI |                                 |    |
|                 | BS1 (đ)  | LINH    |   | HÀI    |    | ĐOAN     |    | LINH          |    | HÀI    |    |        |     |                                 |    |
|                 | BS2 (n)  | TUỞNG   |   | BẮC    |    | THÀNH    |    | TUỞNG         |    | BẮC    |    | BẢO    | BẮC |                                 |    |
|                 | BS2 (đ)  | THÀNH   |   | TUỞNG  |    | BẮC      |    | THÀNH         |    | TUỞNG  |    |        |     |                                 |    |
|                 | ĐD1(n)   | PHÁT    |   | NGHĨA  |    | HÂY      |    | PHÁT          |    | NGHĨA  |    | HÂY    |     | PHÁT<br>CHI<br>Ý<br>D.Ý<br>LANH |    |
|                 | ĐD2(n)   | VẾT     |   | NGHỊ   |    | TRÂN     |    | VẾT           |    | NGHỊ   |    | TRÂN   |     |                                 |    |
|                 | ĐD3(n)   | CHI     |   | TUẦN   |    | ĐOÀN     |    | CHI           |    | TUẦN   |    | ĐOÀN   |     |                                 |    |
|                 | ĐD4(n)   | TRÀNG   |   | CƯỜNG  |    | Ý        |    | Ý             |    | CƯỜNG  |    | TRÀNG  |     |                                 |    |
|                 | ĐD1(đ)   | HÂY     |   | PHÁT   |    | NGHĨA    |    | HÂY           |    | PHÁT   |    | NGHĨA  |     |                                 |    |
|                 | ĐD2(đ)   | TRÂN    |   | VẾT    |    | NGHỊ     |    | TRÂN          |    | VẾT    |    | NGHỊ   |     |                                 |    |
|                 | ĐD3(đ)   | ĐOÀN    |   | CHI    |    | TUẦN     |    | ĐOÀN          |    | CHI    |    | TUẦN   |     |                                 |    |
|                 | ĐD4(đ)   | Ý       |   | TRÀNG  |    | CƯỜNG    |    | TRÀNG         |    | Ý      |    | CƯỜNG  |     |                                 |    |
| NỘI             | BS       | HÀN     |   | THƯƠNG |    | DUY      |    | PHƯỢNG        |    | HÀN    |    | THƯƠNG |     | NHƯ                             |    |
|                 | ĐD1      | THÍCH   |   | NGÂN   |    | HIỆU     |    | CHUNG         |    | LY     |    | THÍCH  |     | NGÂN                            |    |
|                 | ĐD2      | L.ANH   |   | LỘC    |    | SANG     |    | PHỐI          |    | L.ANH  |    | LỘC    |     | SANG                            |    |
|                 | ĐD3      | CHÂM    |   | TRÚC   |    | THƯ      |    | THI           |    | CHÂM   |    | TRÚC   |     | THƯ                             |    |
| ĐƠN NGUYỄN THẬN | BS(n)    | //      |   | //     |    | //       |    | //            |    | //     |    | ĐẠT    | //  |                                 |    |
|                 | BS(đ)    | HƯỜNG   |   | ĐẠT    |    | HƯỜNG    |    | ĐẠT           |    | HƯỜNG  |    |        | //  |                                 |    |
|                 | ĐD1      | HUỆ     |   | HỒ     |    | THẢO     |    | HUỆ           |    | HỒ     |    | PHONG  |     | //                              |    |
|                 | ĐD2      | //      |   | //     |    | //       |    | //            |    | //     |    | THẢO   |     | //                              |    |
| NHI             | BS       | TOÀN    |   | DIỄM   |    | ĐA       |    | THÚY          |    | LOAN   |    | TOÀN   |     | THÚY                            |    |
|                 | ĐD1      | C.EM    |   | THA    |    | HỢP      |    | ÚT            |    | THA    |    | HỢP    |     | C.EM                            |    |
|                 | ĐD2      | NHƯ     |   | NI     |    | CÙNG     |    | NHƯ           |    | NI     |    | CÙNG   |     | NHƯ                             |    |
| NGOẠI - GMHS    | BS       | PHONG   |   | TRÍCH  |    | DUY      |    | THỂ           |    | PHONG  |    | KHANG  |     | TRÍCH                           |    |
|                 | GM       | HUYỀN   |   | GIANG  |    | NHẪN     |    | HUYỀN         |    | NHẪN   |    | GIANG  |     | HUYỀN                           |    |
|                 | HS       | MINH    |   | NIÊN   |    | ĐANG     |    | MINH          |    | NIÊN   |    | ĐANG   |     | MINH                            |    |
|                 | PM1      | CHIA    |   | ĐỎM    |    | HÀN      |    | THƯ           |    | HUYNH  |    | ĐỎM    |     | HUY                             |    |
|                 | PM2      | THƯ     |   | HUY    |    | CHIA     |    | HUY           |    | CHIA   |    | VINH   |     | THƯ                             |    |
|                 | TL       | NGÂN    |   | HUYNH  |    | VINH     |    | NGÂN          |    | HÀN    |    | NGÂN   |     | LINH                            |    |
| CSSKSS          | BS       | THÚY    |   | LIỄU   |    | LUYẾN    |    | THÚY          |    | LIỄU   |    | THÚY   |     | DIỄM                            |    |
|                 | CC - HS1 | NHÂN    |   | CHỌN   |    | VÂN      |    | THAO          |    | VÂN    |    | CHỌN   |     | NHÂN                            |    |
|                 | HS2      | TRÂN    |   | NGÂN   |    | ĐÀO      |    | NHIÊN         |    | TRÂN   |    | NGÂN   |     | ĐÀO                             |    |
| XÉT NGHIỆM      | XN1      | ÚT      |   | TOÀN   |    | BẰNG     |    | DUY           |    | ÚT     |    | TOÀN   |     | DUY                             |    |
|                 | XN2      | DIỆU    |   | LY     |    | DIỆN     |    | NỮ            |    | DIỆU   |    | BẰNG   |     | LY                              |    |
| CĐHA            | SÂ       | LONG    |   | TRÂN   |    | LONG     |    | TRÂN          |    | LONG   |    | TRÂN   |     | LONG                            |    |
|                 | X-Q      | MẠNH    |   | THIỆN  |    | HÒN      |    | NIÊN          |    | MẠNH   |    | THIỆN  |     | HÒN                             |    |
| ĐƯỢC            | DS       | BỈ      |   | ĐẰNG   |    | ĐIỆP     |    | THÙY          |    | BẢO    |    | BỈ     |     | ĐẰNG                            |    |
| NHIỆM           | ĐD       | LẮM     |   | Ý      |    | ĐẸP      |    | LẮM           |    | Ý      |    | //     |     | //                              |    |
| YHCT            | YS       | KIẾT    |   | LANH   |    | XIÊU     |    | HẢI           |    | //     |    | //     |     | //                              |    |
| P. TC-KT        | VP(N)    | THẢO    |   | NGUYỆT |    | NGỌC     |    | VÂN           |    | THU    |    | TÚ     |     | OANH                            |    |
|                 | VP(Đ)    | VÂN     |   | THU    |    | TÚ       |    | OANH          |    | THẢO   |    | NGUYỆT |     | NGỌC                            |    |

|                 |     |                         |               |      |              |       |              |      |              |     |
|-----------------|-----|-------------------------|---------------|------|--------------|-------|--------------|------|--------------|-----|
| P. TC-HC        | BV1 | TẠO                     | DIỄN          | TÌNH | HẢI          | ÚT    | TẠO          | DIỄN |              |     |
|                 | BV2 | HẢI                     | ÚT            | TẠO  | DIỄN         | TÌNH  | HẢI          | ÚT   |              |     |
|                 | ĐN  | HIỀN                    | TRIỀU         | MẠNH | HIỀN         | TRIỀU | MẠNH         | HIỀN |              |     |
|                 | CV1 | HY                      | HUẤN          | KHỰ  | TUẤN         | HY    | HUẤN         | KHỰ  |              |     |
| Trưởng tua trực |     | Bác Sĩ 1                |               |      |              |       |              |      |              |     |
|                 |     | Tham vấn<br>chuyên khoa | Tên BS/CK     |      | Tú           | Mắt   | Cự           | TMH  | Điện         | RHM |
|                 |     |                         | Số điện thoại |      | 0943 111 107 |       | 0918 158 573 |      | 0947 332 339 |     |

- Ngoài giờ hành chính:  
+ BS trực Khoa Ngoại - GMHS phụ trách buồng tiểu phẫu tại Khoa Cấp Cứu - HSTC&CD  
+ BS trực khoa Cấp Cứu - HSTC&CD khám diễn biến Khoa YHCT, Khoa Truyền Nhiễm  
+ BS được mời vào tham vấn chuyên khoa được thanh toán tiền tăng giờ



**GIÁM ĐỐC**  
BSCKII. Trần Văn Sứ